

Số: 127/KH-UBND

Châu Thành, ngày 20 tháng 10 năm 2021

KẾ HOẠCH

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025

Căn cứ Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 12/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành xây dựng Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021, xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020) để đánh giá kết quả thực hiện chính sách giảm nghèo trên địa bàn huyện năm 2021.

Thu thập thông tin về mức sống của các hộ gia đình trong huyện, lập danh sách các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 để tạo cơ sở thực hiện các chính sách giảm nghèo và chính sách an sinh xã hội cho năm 2022 và những năm kế tiếp.

2. Yêu cầu

- Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ và công bằng.
- Có sự tham gia của nhân dân trong quá trình điều tra, rà soát và bình xét.
- Xác định được hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình để triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chương trình, chính sách phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.
- Báo cáo và thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân huyện trước khi báo cáo về tỉnh phê duyệt công nhận.

II. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT

1. Phạm vi: Điều tra, rà soát toàn bộ các hộ gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc đã đăng ký tạm trú và sinh sống từ 06 tháng trở lên trên địa bàn huyện Châu Thành.

2. Đối tượng: Đối tượng điều tra, rà soát là hộ gia đình.

III. THỜI ĐIỂM - THỜI GIAN ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT

1. Thời điểm điều tra, rà soát

- Thời điểm điều tra, rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện Châu Thành tính đến ngày **20/10/2021**.

- Dự kiến thời gian tập huấn: Tháng 10/2021 (thời gian cụ thể sẽ có thông báo sau).

2. Thời gian điều tra, rà soát và kết thúc

- Thu thập thông tin tại hộ gia đình và tổ chức bình nghị ra dân là 30 ngày, bắt đầu từ ngày 20/10/2021 và kết thúc chậm nhất là ngày 20/11/2021.

- Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các xã, thị trấn (viết tắt là Ban Chỉ đạo cấp xã): Báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện (viết tắt là Ban Chỉ đạo huyện) trước ngày 18/11/2021 và báo cáo chính thức trước ngày 23/11/2021.

- Ban Chỉ đạo huyện: Báo cáo kết quả điều tra, rà soát sơ bộ về Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh (viết tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh) trước ngày 20/11/2021 và báo cáo chính thức trước ngày 26/11/2021.

IV. NỘI DUNG

1. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo để đánh giá kết quả thực hiện Chương trình giảm nghèo năm 2021

1.1. Tiêu chí điều tra, rà soát

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 700.000 đồng trở xuống.

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 900.000 đồng trở xuống.

+ Có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 900.000 đồng đến 1.300.000 đồng và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

1.2. Phương pháp

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy trình tại Chương II và Phụ lục số 1a, 1b, 2a, 2b, 2c, 2d, 2đ, 2e, 3a, 3b, 3c, 3d, 4 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.3. Quy trình rà soát

Thực hiện theo Điều 5, Điều 6 Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Điều 1 Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025

2.1. Tiêu chí

Thực hiện theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

a) Hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

b) Hộ cận nghèo:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

c) Hộ có mức sống trung bình:

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

* Các dịch vụ xã hội cơ bản (06 dịch vụ), gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; nước sinh hoạt và vệ sinh; thông tin.

* Các chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (12 chỉ số), gồm: việc làm; người phụ thuộc trong hộ gia đình; dinh dưỡng; bảo hiểm y tế; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; phương tiện phục vụ tiếp cận thông tin.

2.2. Phương pháp rà soát

a) Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 2 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; thực hiện như sau:

- Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp điểm theo Phụ lục III và Phụ lục IV (ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:

+ Về mức thu nhập bình quân đầu người (gọi là điểm A): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

+ Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (gọi là điểm B): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo:

+ Hộ nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B \geq 30$ điểm ở khu vực thành thị.

+ Hộ cận nghèo: hộ có điểm $A \leq 140$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực nông thôn hoặc có điểm $A \leq 175$ điểm và điểm $B < 30$ điểm ở khu vực thành thị.

b) Việc rà soát đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và lập danh sách hộ gia đình cần rà soát quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện như sau:

- Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, Ban Chỉ đạo cấp xã chủ trì, phối hợp với Ban nhân dân ấp, rà soát viên lập danh sách và sử dụng Phiếu A theo Phụ lục II và Phụ lục IV (ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) để nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình. Trường hợp có dưới 04 tiêu chí từ cột 01 đến cột 09 thì đưa vào danh sách hộ gia đình cần rà soát.

- Danh sách hộ gia đình cần rà soát được lập theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội.

c) Việc thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ thực hiện như sau: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với trưởng ban nhân dân ấp và rà soát viên sử dụng Phiếu B theo Phụ lục III và Phụ lục

IV ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội để thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

d) Mẫu biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát quy định tại điểm c, khoản 3, Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: lập theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

đ) Mẫu danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát) quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: lập theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

e) Mẫu biểu báo cáo quy định tại khoản 1, Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện như sau:

Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi về Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm trên địa bàn theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.3. Quy trình rà soát

a) Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát: Ban Chỉ đạo cấp xã chủ trì, phối hợp với ấp và rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát.

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình: Ban Chỉ đạo cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban nhân dân ấp và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

c) Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát:

- Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng Ban nhân dân ấp (chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, đoàn thể, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã.

- Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại

theo quy định tại khoản 2, điểm a và b, khoản 3 Điều 4 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản, có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo cấp xã).

d) Niêm yết, thông báo công khai:

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Trạm Truyền thanh xã, thị trấn trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

đ) Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

e) Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3. Xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình

3.1. Phương pháp

Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

3.2. Quy trình

- Hộ gia đình quy định tại khoản 2, Điều 37 Luật Cư trú làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo Phiếu khảo sát, xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 05 ngày làm việc, tổ chức phúc tra trong thời gian 03 ngày làm việc (nếu có khiếu nại) và quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện do ngân sách nhà nước đảm bảo và được thực hiện theo quy định hiện hành.

VI. KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Các thành viên Ban Chỉ đạo huyện phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn kiểm tra, giám sát công tác tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn được phân công.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Là cơ quan Thường trực, có trách nhiệm phân công, hướng dẫn Tổ giúp việc chuẩn bị các nội dung công việc cho cuộc tổng điều tra, rà soát bao gồm: dự toán kinh phí; in ấn biểu mẫu, tài liệu hướng dẫn điều tra; triển khai các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra; tập huấn nghiệp vụ cho thành viên Ban Chỉ đạo xã, thị trấn; tổ chức kiểm tra, giám sát, phúc tra kết quả điều tra; hướng dẫn phương pháp tổng hợp; tham mưu Ủy ban nhân dân huyện công bố kết quả rà soát trên địa bàn huyện.

Lập dự toán kinh phí tổ chức điều tra, thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch thẩm định, trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt để làm cơ sở triển khai thực hiện.

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã, thị trấn tổ chức thực hiện cập nhật kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo vào hệ thống thông tin quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Phối hợp với Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cân đối nguồn kinh phí chi cho công tác rà soát, hướng dẫn thanh quyết toán kinh phí phục vụ cho rà soát hộ

nghèo, hộ cận nghèo hàng năm đảm bảo đúng theo các quy định hiện hành của Luật Ngân sách.

Giám sát nội dung chi cho công tác rà soát hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện.

3. Chi Cục Thống kê

Phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong quá trình kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của các xã, thị trấn về số hộ dân cư, số nhân khẩu trên địa bàn.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin

Chủ trì, phối hợp với Đài truyền thanh đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành và người dân về tầm quan trọng và ý nghĩa của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

5. Trung tâm Y tế

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hướng dẫn các xã, thị trấn trong việc tổng hợp, báo cáo về hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

6. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025.

7. Các phòng, ban ngành thành viên còn lại theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm tham mưu Trưởng Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện theo kế hoạch đã đề ra.

8. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng ban; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã làm Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; công chức được giao nhiệm vụ làm công tác tài chính, y tế, giáo dục, xây dựng, văn hóa - thông tin, nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trưởng Ban nhân dân các ấp trên địa bàn và cán bộ Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội được phân công theo dõi tại xã làm thành viên.

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên các phương tiện truyền thông; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký rà soát.

- Tổ chức lực lượng rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Tổ chức thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo quy định.

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình.

- Tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện về kết quả rà soát công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Cập nhật thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo hằng năm. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Lập danh sách quản lý các hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình làm căn cứ xác định đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế theo Luật bảo hiểm y tế.

9. Kết thúc cuộc điều tra, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo xem xét, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện khen thưởng cho một số tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong công tác điều tra, rà soát.

Các thành viên Ban chỉ đạo của huyện, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn căn cứ nhiệm vụ được giao, nghiêm túc tổ chức thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có những vấn đề vướng mắc phát sinh, kịp thời báo cáo với Thường trực Ban Chỉ đạo xem xét, giải quyết.

Trên đây là Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn huyện Châu Thành. /

Nơi nhận:

- Sở Lao động-Thương binh và xã hội;
- TT.Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;
- TV.BCĐ và Tổ giúp việc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC.3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Mỹ